TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 12 - 2023
"V/v tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/10/2022 "Về việc tranh chấp về chia tài sản chung, trả nợ chung sau khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1989; địa chỉ: 37 N, Tổ 2, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 6, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Agribank); địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn G - Trưởng phòng Khách hàng Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai; địa chỉ: 1347 Q, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Người đại diện theo pháp luật Agribank và Quyết định ủy quyền số 64/NHNo.AKĐGL-QĐ ngày 06/4/2023 của Giám đốc Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã A, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị C trình bày như sau: Chị C và anh Huỳnh Thanh T trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Khi ly hôn, chị C và anh T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản. Vì chị C và anh T không thỏa thuận được việc chia tài sản chung nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn với anh T. Cụ thể như sau: Căn nhà và đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 28, diện tích 91m^2 tại Tổ 12 (nay là Tổ 6), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 610568 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 31/12/2010. Chị C yêu cầu chia đôi tài sản này cho chị và anh T. Về nợ chung: Chị C thừa nhận còn nợ Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai số tiền gốc 79.000.000đ. Chị C đồng ý chia đôi đối với khoản nợ chung này với anh T.

* Bị đơn anh Huỳnh Thanh T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Anh T không có ý kiến trình bày và không phản đối về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai có yêu cầu độc lập, do người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn G trình bày: Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Huỳnh Thanh T có vay của Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tại Hợp đồng tín dụng số 2169-17/HĐTD ngày 16/11/2017, với tổng số tiền vay là 80.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Về biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2169-17/HĐTC ngày 14/11/2017 đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Gia Lai và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh thị xã A ngày 17/11/2017. Do chị C và anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu buộc chị C và anh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 95.550.499đồng (trong đó tiền gốc 79.000.000đ, lãi trong hạn 11.199.602đ, lãi quá hạn 5.350.897đ). Đồng thời, yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2169-17/HĐTC ngày 14/11/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của Ngân hàng. Buộc chị C và anh T phải trả nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng 95.550.499đồng. Về phân chia tài sản chung: Chia cho chị C được được sở hữu căn nhà và thửa đất số 66, tờ bản đồ số 28 tại Tổ 12 (nay là Tổ 6), phường T, thị

xã A, tỉnh Gia Lai. Giao cho chị C trả khoản nợ chung cho Ngân hàng là 95.550.499đồng. Chị C phải thanh toán cho anh T phần chênh lệch mà anh T được hưởng sau khi trừ đi khoản nợ chung. Về số tiền xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Chị C đã nộp 5.000.000đ, nên anh T phải trả lại cho chị C ½ là 2.500.000đ. Buộc chị C và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và trả nợ chung sau khi ly hôn với anh Huỳnh Thanh T; địa chỉ: Tổ 6, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ngân hàng Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai có yêu cầu độc lập buộc chị C và anh T phải trả số nợ đã vay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản chung và trả nợ chung sau khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Huỳnh Thanh T đã ly hôn theo Quyết định số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A. Khi ly hôn chị C và anh T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, chị C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn và Ngân hàng Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai có yêu cầu độc lập, yêu cầu chị C và anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung: Chị C yêu cầu chia tài sản chung được hình thành trong thời kì hôn nhân chưa chia, gồm có: Căn nhà và đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 28, diện tích 91m^2 tại Tổ 12 (nay là Tổ 6), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 610568 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 31/12/2010. Hội đồng định giá đã xác định giá trị đất là: 320.000.000đồng, giá trị căn nhà cấp IV là: 30.000.000đồng. Tổng cộng giá trị tài sản chung là: 350.000.000đồng.

[4] Về trách nhiệm trả nợ chung: Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thì thấy rằng: Đây là khoản vay của chị C và anh T trong thời kỳ hôn nhân, là nợ chung nên chị C và anh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng. Tổng số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 95.550.499đồng (trong đó tiền gốc 79.000.000đ, lãi trong hạn 11.199.602đ, lãi quá hạn 5.350.897đ). Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị C và anh T phải trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh

theo hợp đồng tín dụng số 2169-17/HĐTD ngày 16/11/2017 là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tại Tổ 12 (nay là Tổ 6), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 610568 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 31/12/2010 đứng tên chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Huỳnh Thanh T. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2169-17/HĐTC ngày 14/11/2017 được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 317, 318 và 502 của Bộ luật Dân sự; các Điều 167, 179 và 188 của Luật Đất đai năm 2013 nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[6] Tài sản chung sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ chung được chia đôi cho chị C và anh T, mỗi người được nhận tương ứng với ½ giá trị. Xét thấy, tài sản chung không chia được bằng hiện vật nên chia theo giá trị. Chị C yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung và chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, cần giao cho chị C căn nhà và đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 28, diện tích 91m^2 tại Tổ 12 (nay là Tổ 6), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 610568 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 31/12/2010, trị giá 350.000.000đồng và trả số nợ chung cho Ngân hàng là 95.550.499đồng. Giá trị tài sản chung còn lại là 254.449.501đồng/2 = 127.224.750đồng, chị C có nghĩa vụ thanh toán cho anh T giá trị phần chênh lệch mà anh T được hưởng là 127.224.750đồng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 5.000.000đồng. Chị C và anh T mỗi người phải chịu ½ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị C đã nộp số tiền tạm ứng là 5.000.000đồng, nên anh T phải hoàn trả cho chị C số tiền là 2.500.000đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

[8.1] Án phí về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu số tiền án phí là: 127.224.750đồng x 5% = 6.361.237đồng. Anh Huỳnh Thanh T phải chịu số tiền án phí là: 127.224.750đồng x 5% = 6.361.237đồng.

[8.2] Án phí về nghĩa vụ chung đối với yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận là: 95.550.499đồng x 5% = 4.777.524đồng. Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu ½ số tiền án phí là 2.388.762đồng. Anh Huỳnh Thanh T phải chịu ½ số tiền án phí là 2.388.762đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 165 và 166; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 219, 299, 317, 318, 357, 463, 466, 468, 470 và 502 của Bộ luật Dân sự; các Điều 33, 37, 59, 60 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 95, 99 và 100 của Luật đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 26, điểm e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

3. Tài sản chung gồm có: Căn nhà và đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 28 tại Tổ 12 (nay là Tổ 6), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD 610568 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 31/12/2010. Tổng cộng giá trị tài sản chung là: 350.000.000đồng.

4. Tài sản chung sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ chung được chia đôi cho chị C và anh T, mỗi người được nhận tương ứng với ½ giá trị là: 254.449.501đồng/2 = 127.224.750đồng. Giao cho chị C được sở hữu căn nhà cấp IV và vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 28, diện tích 91m^2 tại Tổ 12 (nay là Tổ 6), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD 610568 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 31/12/2010. Chị Nguyễn Thị Mỹ C có quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

5. Nghĩa vụ về trả nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ phải trả nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai, tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 95.550.499đồng (trong đó tiền gốc 79.000.000đ, lãi trong hạn 11.199.602đ, lãi quá hạn 5.350.897đ). Giao cho chị C có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng.

Trường hợp chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thị xã A xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2169-17/HĐTC ngày 14/11/2017 để thu hồi nợ.

6. Chị Nguyễn Thị Mỹ C có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Thanh T giá trị phần chênh lệch mà anh T được hưởng là 127.224.750đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 5.000.000đ. Chị C và anh T mỗi người phải chịu ½ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị C đã nộp tiền tạm ứng là 5.000.000đ, nên anh T phải hoàn trả cho chị C số tiền là 2.500.000đồng.

8. Về án phí:

- Án phí về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu số tiền án phí là: 6.361.237đồng. Anh Huỳnh Thanh T phải chịu số tiền án phí là: 6.361.237đồng.

- Án phí về nghĩa vụ chung đối với yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận: Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu số tiền án phí là: 2.388.762đồng. Anh Huỳnh Thanh T phải chịu số tiền án phí là 2.388.762đồng.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.749.999đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.250.000đồng theo biên lai số 0011911 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; chị C còn phải nộp 3.499.999đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Huỳnh Thanh T phải chịu tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.749.999đồng.

- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai 2.028.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011964 ngày 11/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

9. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (01/12/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông